

CHƯƠNG 2. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ**Tiết 5, 6, 7 BÀI 4. NÔNG NGHIỆP**

Môn học: Lịch sử - Địa lí 9

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

I. MỤC TIÊU.**1. Kiến thức.**

- Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông-lâm- thủy sản
- Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

2. Năng lực.

- *Năng lực chung*: phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trao đổi, thảo luận, trình bày ý tưởng, phản hồi, lắng nghe tích cực giữa các HS trong nhóm.

- *Năng lực đặc thù*:

+ Nhận thức khoa học Địa lí: phân tích vai trò của các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

+ Tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ, bảng số liệu, biểu đồ để phân tích sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

3. Phẩm chất.

- Trung thực, trách nhiệm với những thành tựu và hoạt động sản xuất nông nghiệp của cả nước và địa phương.

* **HSKT**: Biết được tên các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp và biết được một số cây trồng vật nuôi ở nước ta.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**1. Giáo viên.**

- Máy vi tính, máy chiếu hoặc smart tivi,
- Bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh, video,... liên quan đến nội dung.
- Phiếu học tập

2. Học sinh.

- SGK Lịch sử và Địa lí 9 (KNTT với CS).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**1. Hoạt động mở đầu.***a) Mục tiêu.*

- Gợi mở nội dung chủ đề mới.
- Khởi gợi hứng thú học tập cho HS.

b) Tổ chức thực hiện.

- Bước 1: GV sử dụng các câu ca dao, tục ngữ và hỏi HS: *Các câu ca dao, tục ngữ sau nói đến hoạt động sản xuất gì?*

“Lúa chiêm lấp ló đầu bờ
Hễ nghe tiếng sấm, phất cờ mà lên”

“Đất màu trồng đậu trồng ngô
Đất lầy cấy lúa, đất khô làm vườn”

“Muốn cho lúa nảy bông to
Cày sâu, bừa kỹ, phân tro cho nhiều...”

* **HSKT**: Tham gia hoạt động cùng với lớp.

- Bước 2: HS tự suy nghĩ, tìm câu trả lời.

- Bước 3: HS trả lời.
- Bước 4: GV căn cứ vào câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp

a. Mục tiêu: Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

b. Nội dung: Xem video kết hợp nội dung phần kênh chữ mục 1 sgk trang 124,125 phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên và các nhân tố KT-XH đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp nước ta.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập của HS

* Các nhân tố tự nhiên:

- Địa hình, đất:

+ Phát triển cơ cấu cây trồng đa dạng cây CN, chăn nuôi gia súc (đồi núi) trồng cây lương thực (đồng bằng)

+ Đất nhiều nơi bị thoái hoá, diện tích trồng cây lương thực giảm.

- Khí hậu:

+ Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, thực hiện chuyên canh, chuyên môn hoá mùa vụ.

+ Nhiều thiên tai (bão, lũ, khô hạn), sâu bệnh ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng nông sản.

- Nguồn nước: dồi dào, cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp.

- Sinh vật: đa dạng, phong phú là cơ sở cho chọn, lai tạo giống vật nuôi cây trồng.

* Các nhân tố KT-XH:

- Dân cư và lao động: Đông tạo nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

- Chính sách phát triển nông nghiệp: nhiều chính sách thúc đẩy sự phát triển như phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ, cho vay vốn ưu đãi, bảo hiểm nông nghiệp...

- Khoa học công nghệ và cơ sở vật chất kỹ thuật: ngày càng hoàn thiện tạo điều kiện phát triển nền nông nghiệp hiện đại.

- Thị trường tiêu thụ: đang ngày càng mở rộng thúc đẩy mở rộng sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm tuy nhiên tăng sức cạnh tranh tạo thách thức cho nông nghiệp nước nhà.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, đọc kĩ thông tin mục 1 trong SGK, thực hiện nhiệm vụ: Lập sơ đồ tư duy về ảnh hưởng của các nhân tố đến sự phát triển, phân bố nông nghiệp.

* HSKT: Nêu tên các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta.

- Bước 2: HS đọc thông tin trong SGK, trao đổi với bạn và vẽ sơ đồ ra nháp.

- Bước 3: Các cặp HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: GV chính xác hoá thông tin, nhận xét quá trình làm việc của HS.

Nhân tố	Ảnh hưởng
Địa hình và đất	- Phát triển cây công nghiệp, quy hoạch vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả; chăn nuôi gia súc lớn. - Phát triển các vùng chuyên canh cây lương thực, thực phẩm (rau, đậu,...),...
Khí hậu	- Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới. - Năng suất cao. - Cơ cấu mùa vụ.
Nguồn nước	- Cung cấp nước cho sản xuất.
Sinh vật	- Cơ sở để lai tạo nên nhiều giống cây trồng, vật nuôi.

Dân cư và lao động	- Thị trường tiêu thụ lớn. - Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến và công nghệ hiện đại vào sản xuất.
Chính sách	- Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, thu hút đầu tư.
Khoa học công nghệ và cơ sở vật chất kỹ thuật	- Tạo ra nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới, nâng cao năng suất và chất lượng. - Chế biến nông sản, sản xuất nông nghiệp quy mô lớn.
Thị trường	- Thúc đẩy sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp.

2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

- a. Mục tiêu: Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp.
- b. Nội dung: Quan sát H4.1, H4.2, bảng 4.1, 4.2, 4.3 kết hợp nội dung mục 2/ sgk trang 125-129 trình bày sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta.
- c. Sản phẩm: Phiếu học tập, câu trả lời, báo cáo của HS.
- d. Tổ chức thực hiện: Sử dụng kỹ thuật mảnh ghép:

Nhiệm vụ 1. Hình thức hoạt động: cá nhân. Tìm hiểu phần kênh chữ mục 1 sgk trang 164, ghi nhớ nhanh kiến thức sau đó gấp sgk hoàn thành phiếu học tập số 3 . Thời gian 3 phút.


Họ và tên:.....

Phiếu học tập số 3. “Trí nhớ siêu phàm”

Hoàn thành bài tập điền khuyết

Nông nghiệp nước ta phát triển mạnh theo hướng1....., liên kết theo chuỗi giá trị, đẩy mạnh ứng dụng ...2...Năm 2021, tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp đạt...3...%, đóng góp hơn4... % tổng giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Cơ cấu nông nghiệp đang có xu hướng...5...tỉ trọng của trồng trọt, tăng tỉ trọng của ...6...và dịch vụ nông nghiệp.

Sản phẩm nông nghiệp được phát triển theo ba trục sản phẩm chủ lực: sản phẩm cấp quốc gia, sản phẩm cấp tỉnh và sản phẩm đặc sản của ...7...Nông nghiệp công nghệ cao,...8..., nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái được chú trọng phát triển trên khắp cả nước.



Nhiệm vụ 2. (nhóm bàn). Dựa vào thông tin mục 4a và hình 4.1,4.2; bảng 4.1, 4.2/ sgk trang 126-128, báo cáo trước lớp về tình hình phát triển và phân bố của ngành trồng trọt ở nước ta. Thời gian 5 phút.

- + Ngành trồng trọt đóng góp như thế nào cho ngành nông nghiệp?
- + Ngành trồng trọt bao gồm các nhóm cây trồng gì? Cây trồng có sự thay đổi như thế nào?
- + Đặc điểm chính về sự phát triển và phân bố một số nhóm cây trồng chính.

*** HSKT:** Kể tên một số cây trồng vật nuôi ở nước ta.

Nhiệm vụ 3. (cặp đôi) Dựa vào thông tin mục 4b, H4.1 và bảng 4.3/ sgk trang 129, hoàn thành phiếu học tập số 4, bằng cách nối cột A với cột B sao cho có được đặc điểm các ngành chăn nuôi (4 phút)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Cột A	Nối cột A với cột B	Cột B
1. Chăn nuôi trâu bò		a. có xu hướng chuyển dịch từ chăn nuôi qui mô nhỏ sang phát triển các mô hình trang trại tập trung và hình thành các mô hình chăn nuôi khép kín. Tập trung ở Trung du miền núi Bắc Bộ, ĐBSH.

2. Chăn nuôi lợn		b. phát triển theo qui mô hộ gia đình và qui mô trang trại với nhiều hình thức chăn nuôi, tập trung ở ĐBSH, Bắc Trung Bộ và DHNTB.
3. Chăn nuôi gia cầm		c. phát triển theo hướng nuôi thịt, mở rộng qui mô đàn bò sữa. Tập trung ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và DHNTB, ĐNB.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện làm việc cá nhân, nhóm bàn, cặp đôi thống nhất ý kiến, ghi phiếu học tập, dự kiến các câu hỏi tương tác.
- GV giám sát, có những hỗ trợ kịp thời với những khó khăn của HS

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- HS báo cáo kết quả làm việc, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- HS xác định trên bản đồ sự phân bố cây trồng, vật nuôi.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh.

2. Sự phát triển và phân bố nông-lâm-thủy sản.

a. Ngành trồng trọt: chiếm hơn 60% giá trị SX ngành NN (2021)

- **Cây lương thực:**

- + Lúa là cây lương thực chính, trồng khắp cả nước, nhiều giống chịu mặn, hạn, chống sâu bệnh được sử dụng cho năng suất, chất lượng cao; mức độ cơ giới hoá cao
- + Vùng trọng điểm lúa: ĐBSH, ĐBSCL

- **Cây rau, đậu:** diện tích tăng, tập trung nhiều ở ĐBSCL, ĐBSH, TDMNBB

- **Cây công nghiệp:**

- + Cây CN lâu năm: diện tích, sản lượng ngày càng tăng như cà phê, điều, hồ tiêu (Tây Nguyên) chè(TDMNBB), cao su (ĐNB)
- + Cây CN hàng năm: diện tích, sản lượng lớn như lạc, đậu tương (BTB, TDMNBB), mía, bông...

- **Cây ăn quả:** phát triển theo hướng công nghệ cao và hữu cơ với nhiều đặc sản có chỉ dẫn địa lí (ĐBSCL, TDMNBB, ĐNB)

b. Ngành chăn nuôi: chiếm hơn 30% giá trị SX ngành NN (2021)

- **Chăn nuôi trâu, bò:** theo hướng nuôi thịt; trâu nuôi nhiều nhất ở TDMNBB , bò ở BTB, DHMT, bò sữa tập trung chủ yếu ở ĐNB, BTB, DHMT

- **Chăn nuôi lợn:** theo mô hình trang trại tập trung và chăn nuôi khép kín(TDMNBB, ĐBSH)

- **Chăn nuôi gia cầm:** theo qui mô hộ gia đình và trang trại, sử dụng giống siêu thịt, siêu trứng (ĐBSH, BTB, DHMT)

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi và điền từ thích hợp vào chỗ chấm hoàn thành nội dung củng cố về sự phát triển và phân bố nông nghiệp nước ta.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho HS.

Nội dung 1: GV Yêu cầu HS làm bài tập trắc nghiệm qua trò chơi “Vòng quay may mắn”
Hệ thống bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Nhân tố nào sau đây là nhân tố KT-XH ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp?

- A. Khí hậu. B. Nguồn nước. C. Sinh vật. **D. Thị trường.**

Câu 2. Đâu là cây lương thực chính ở nước ta?

- A. Ngô. B. Khoai. C. Sắn. D. Lúa.

Câu 3. Cây trồng nào sau đây thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm?

- A. Bông. B. Điều. C. Hồ tiêu. D. Mía.

Câu 4. Năm 2021, trâu được nuôi nhiều nhất ở vùng nào?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- C. Duyên hải miền Trung. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 5. Chăn nuôi gia cầm phát triển khắp cả nước nhưng tập trung nhiều nhất ở

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.

- C. Duyên hải Nam Trung Bộ D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Nội dung 2: Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ chấm (...) để hoàn thành đoạn thông tin về sự phát triển và phân bố nông nghiệp nước ta.

cây lương thực giảm	khoa học công nghệ tăng	sản xuất hàng hoá cây công nghiệp
------------------------	----------------------------	--------------------------------------

Nông nghiệp nước ta đẩy mạnh sản xuất theo hướng (1), tăng cường (2).....Cơ cấu nông nghiệp đang có xu hướng (3).....tỉ trọng của trồng trọt, (4).....tỉ trọng của chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp. Hai vùng trọng điểm trồng (5).....của nước ta là Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long; (6).....được trồng chủ yếu ở vùng Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ và Đông Nam Bộ.

* **HSKT:** Theo dõi và cùng tham gia hoạt động với lớp.

Bước 2: HS tham gia trò chơi, suy nghĩ trả lời các câu hỏi.

Bước 3: HS trình bày câu trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chốt lại kiến thức trọng tâm của bài.

4. HOẠT ĐỘNG 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Nội dung: Tìm hiểu thông tin, giới thiệu về tình hình sản xuất và phân bố một số cây trồng vật nuôi quan trọng ở địa phương em.

c. Sản phẩm: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu và giới thiệu về tình hình sản xuất và phân bố một cây trồng hoặc vật nuôi quan trọng ở địa phương.

* **HSKT:** HS không thực hiện

Bước 2: HS thu thập thông tin, viết bài.

Bước 3: HS gửi lên nhóm lớp hoặc Padlet hoặc Google Drive.

Bước 4: GV góp ý bài làm của HS vào buổi học sau.

***Dặn dò:**

- HS về nhà tự tìm tòi, khám phá, mở rộng kiến thức, sự hiểu biết của bản thân qua một số trang website, đường link, sách tham khảo...thực hiện các nhiệm vụ được giao ở phần vận dụng

- Hoàn thành các bài tập còn lại trong vở thực hành địa lí

- Chuẩn bị bài 5: Lâm nghiệp và thủy sản.

Tiết 8 BÀI 5. LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Môn học: Lịch sử - Địa lí 9

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

I. MỤC TIÊU.**1. Kiến thức.**

- Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản.
- Trình bày được sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thủy sản.

2. Năng lực.

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, tự lực thực hiện được những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản; trình bày được sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thủy sản.
 - + Tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ, bảng số liệu, biểu đồ để phân tích sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thủy sản.

2. Phẩm chất.

Có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản của đất nước và của địa phương.

*** HSKT: Biết các sản phẩm từ ngành lâm nghiệp và thủy sản.**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**1. Giáo viên.**

- Máy vi tính, tivi
- Bản đồ phân bố ngành lâm nghiệp và thủy sản.
- Bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh, video,... có nội dung liên quan.

2. Học sinh.

- SGK Lịch sử và Địa lí 9 (KNTT với CS).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**1. HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU.****a) Mục tiêu.**

- Tạo kết nối giữa kiến thức, hiểu biết của HS với nội dung bài học.
- Khơi gợi hứng thú học tập cho HS.

b) Tổ chức thực hiện.

- Bước 1: GV tổ chức trò chơi “Nhanh mắt tìm ý” để mở đầu bài học.
- + GV chiếu 2 hình ảnh: 1 ảnh về ngành lâm nghiệp, 1 ảnh về ngành thủy sản.
- + GV đặt câu hỏi: *2 hình ảnh trên giúp em liên tưởng đến ngành kinh tế nào?*
- Bước 2: HS nhìn ảnh, giơ tay nhanh để trả lời.
- Bước 3: GV gọi HS giơ tay nhanh nhất trả lời.
- Bước 4: Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.**Hoạt động 2.1. Lâm nghiệp.****a. Mục tiêu**

- Trình bày được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng.
- Trình bày được sự phát triển và phân bố của ngành lâm nghiệp.

*** HSKT: Biết các sản phẩm từ ngành lâm nghiệp và thủy sản.**

b. Nội dung: Dựa vào thông tin kênh chữ mục 1, bảng 5 và hình 5.1 SGK hãy:

- Cho biết đặc điểm phân bố tài nguyên rừng ở nước ta.

- Nhận xét sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp nước ta.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của HS:

d. Tổ chức thực hiện”

*** Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu đặc điểm phân bố tài nguyên rừng**

Bước 1: GV yêu cầu HS nghiên cứu nội dung mục a trang 131 – 132, mục Em có biết và bảng 5 SGK hãy hoàn thành phiếu học tập số 1 sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 - TÀI NGUYÊN RỪNG	
Tiêu chí	Thông tin
Vai trò	
Diện tích - Tỷ lệ che phủ	
Tỷ lệ rừng tự nhiên	
Tỷ lệ rừng trồng	
Phân loại:	- Phòng hộ - Tỷ lệ: - Vai trò: - Phân bố:
	- Sản xuất - Tỷ lệ: - Vai trò: - Phân bố:
	- Đặc dụng - Tỷ lệ: - Vai trò: - Phân bố:

- GV sử dụng kỹ thuật Think – Pair – share, yêu cầu HS suy nghĩ trong thời gian 3 phút, trao đổi cặp đôi trong thời gian 2 phút, trình bày 1 phút.

*** HSKT: Kể tên các sản phẩm từ ngành lâm nghiệp**

Bước 2: HS trao đổi cặp đôi, hoàn thành phiếu HT

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc theo cặp. HS khác nhận xét, bổ sung, đánh giá câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: GV nhận xét chung hoạt động của HS, ý thức tham gia hoạt động, khen thưởng, đánh giá.

*** Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố của ngành lâm nghiệp**

Bước 1: GV yêu cầu HS đọc nội dung mục b trang 132 và hình 5.1, quan sát các thông tin bài báo trao đổi trả lời câu hỏi:

- Ngành lâm nghiệp có đóng góp ra sao trong toàn ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản? Ngành lâm nghiệp có các hoạt động nào? Các sản phẩm của ngành lâm nghiệp là gì?

- Trước hiện trạng rừng bị tàn phá, chúng ta cần giải quyết như thế nào? Bản thân em đã có những hành động gì để bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sống?

Bước 2: HS trao đổi, tìm hiểu và thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc theo cặp. HS khác nhận xét, bổ sung, đánh giá câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: GV nhận xét chung hoạt động của HS, ý thức tham gia hoạt động, khen thưởng, đánh giá.

1. Lâm nghiệp

a. Đặc điểm phân bố tài nguyên rừng

- Tài nguyên rừng đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển KT-XH, bảo vệ MT và ứng phó với BĐKH ở nước ta.

- Nước ta có tài nguyên rừng lớn, tỉ lệ che phủ rừng khá cao 42%, nhưng không đồng đều giữa các vùng.

- Phân loại rừng:

+ Theo nguồn gốc hình thành: rừng tự nhiên và rừng trồng;

- + Theo mục đích sử dụng: rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.
- b. Sự phát triển và phân bố của ngành lâm nghiệp**
- Tốc độ tăng trưởng: 3,88% (2021)
- Giá trị sản xuất: 3% toàn ngành Nông – lâm – thủy sản.
- * Khai thác, chế biến lâm sản
- + Khai thác: sản lượng tăng, khoảng 18 triệu m³(2021), gấp 4,6 lần(2010).
- + Chế biến: phát triển gắn với các vùng nguyên liệu.
- + Phân bố: Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ, Trung du và miền núi phía Bắc
- * Trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng:
- + Trồng rừng: Diện tích ngày càng tăng đạt khoảng 290 nghìn ha (2021)
- + Khoanh nuôi và bảo vệ rừng: được tăng cường và quản lí chặt chẽ.
- + Phân bố: Khắp cả nước, nhưng chủ yếu vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ
- Phát triển mô hình nông- lâm kết hợp.

Hoạt động 2.2. Thủy sản.

a. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm nguồn lợi thủy sản nước ta.
- Trình bày được sự phát triển và phân bố của ngành thủy sản.

* **HSKT:** Biết tên các sản phẩm từ ngành thủy sản.

b. Nội dung: Dựa vào thông tin kênh chữ mục 2, hình 5.1 SGK/ 133 hãy:

- Nêu đặc điểm phân bố nguồn lợi thủy sản ở nước ta.
- Trình bày sự phát triển và phân bố ngành thủy sản ở nước ta.

c. Sản phẩm: Sản phẩm phiếu HT của nhóm HS.

d. Tổ chức thực hiện

* **Nhiệm vụ 1: a. Tìm hiểu đặc điểm phân bố nguồn lợi thủy sản**

Bước 1: (cặp đôi) GV yêu cầu HS đọc nội dung mục 2.a trang 132,133 và quan sát hình 5.1, kết hợp hiểu biết bản thân cho biết:

- Đặc điểm nguồn lợi thủy sản ở nước ta? Kể tên các ngư trường trọng điểm của nước ta và xác định trên lược đồ?

HOÀN THÀNH PHIẾU HỌC TẬP 1

ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ NGUỒN LỢI THỦY SẢN	
Đặc điểm	
Ngư trường trọng điểm	
Hiện trạng	

* **HSKT:** Kể tên các sản phẩm từ ngành thủy sản.

Bước 2: HS trao đổi, tìm hiểu và thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc theo cặp. HS khác nhận xét, bổ sung, đánh giá câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: GV nhận xét đánh giá và chuẩn xác kiến thức.

* **Nhiệm vụ 2: b. Sự phát triển và phân bố của ngành thủy sản**

Bước 1: (thảo luận nhóm), GV yêu cầu HS nghiên cứu nội dung mục 2.b trang 133 – 134, quan sát H5.1; 5.2 sgk. hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NGÀNH THỦY SẢN	
Hiện trạng	
Khai thác thủy sản	

Nuôi trồng thủy sản	
Xu hướng phát triển	

* **HSKT:** Tham gia hoạt động với các bạn cùng nhóm.

Bước 2: HS trao đổi, tìm hiểu và thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc theo cặp. HS khác nhận xét, bổ sung, đánh giá câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: GV nhận xét đánh giá và chuẩn xác kiến thức.

GV mở rộng: Tại sao trong những năm gần đây hoạt động nuôi trồng thủy sản lại tăng mạnh hơn thủy sản khai thác?

GV liên hệ thực tế về đánh bắt thủy sản hiện nay ...

2. Thủy sản

a. Đặc điểm nguồn lợi thủy sản

- Rất phong phú: khoảng 544 loài cá nước ngọt; hơn 2.000 loài cá nước mặn, hàng trăm loài tôm, mực; nhiều loài có giá trị KT cao cá ngừ đại dương, tôm hùm,...
- Tổng trữ lượng hải sản khoảng 4 triệu tấn.
- Có 4 ngư trường trọng điểm.
- Nguồn lợi thủy sản nội địa và ven bờ biển của nước ta đang bị suy giảm

b. Tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản

- Tốc độ tăng trưởng: khoảng 1,7%
- Giá trị sản xuất: khoảng 26% toàn ngành Nông-lâm-thủy sản.

* **Nuôi trồng thủy sản:**

- + Sản lượng nuôi trồng chiếm khoảng 55% tổng sản lượng (năm 2021).
- + Phát triển nhanh, chủ yếu là nuôi tôm và cá.
- + Theo hình thức trang trại công nghệ cao, nuôi hữu cơ, đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và các tiêu chuẩn quốc tế.
- + Đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất.

* **Khai thác thủy sản:**

- + Sản lượng khai thác tăng khá nhanh, đặc biệt là cá biển chiếm 74,1%.
- + Đẩy mạnh khai thác xa bờ
- + Vùng BTB và DHMT có sản lượng thủy sản khai thác cao nhất cả nước
- Thị trường XK: Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU,...

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức bài học và rèn luyện kỹ năng tính toán và nhận xét bảng số liệu

b. Nội dung:

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi, tìm ra kiến thức, khắc sâu nội dung đã học
- Hs xử lý số liệu, đưa ra nhận xét cho bảng số liệu H 5.2(134 sgk knnt)

c. Sản phẩm: Đáp án trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Vòng quay may mắn”

GV phổ biến luật chơi.

Nhiệm vụ 1: Phần trò chơi “Vòng quay may mắn”

Câu 1: Vai trò của rừng sản xuất là

- A. Cung cấp gỗ, củi và nguyên liệu giấy
- B. Tạo ra nguồn hàng xuất khẩu chủ lực
- C. Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế
- D. Đóng góp tỉ trọng lớn trong cơ cấu

Câu 2. Các vườn quốc Cúc Phương, Bạch Mã, Nam Cát Tiên thuộc loại rừng nào?

- A. Rừng phòng hộ
- B. Rừng đặc dụng
- C. Rừng khoanh nuôi
- D. Rừng sản xuất

Câu 3. Vai trò quan trọng nhất của rừng đầu nguồn là

- A. Điều hòa nguồn nước, hạn chế lũ lụt B. Điều hòa khí hậu, chắn gió, chắn bão
C. Cung cấp gỗ, củi, lâm sản quý D. Bảo tồn sự đa dạng sinh học

Câu 4. Vai trò quan trọng nhất của rừng đặc dụng là

- A. Phát triển du lịch sinh thái B. Bảo vệ môi trường
C. Bảo vệ sự đa dạng sinh học. D. Cung cấp gỗ cho công nghiệp

Câu 5. Loại rừng có diện tích lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Rừng sản xuất B. Rừng phòng hộ
C. Rừng trồng D. Rừng đặc dụng

Câu 6. Ở nước ta gỗ được khai thác ở rừng nào?

- A. Rừng phòng hộ B. Rừng sản xuất
C. Rừng tự nhiên. D. Rừng đặc dụng

* HSKT: Tham gia hoạt động cùng với lớp.

Nhiệm vụ 2: (cặp đôi) thời gian 5 phút

- GV yêu cầu HS dựa vào biểu đồ hình 5.2 trong SGK, tính cơ cấu sản lượng thủy sản theo khai thác và nuôi trồng của nước ta.

- Nhận xét sự thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 – 2021.

Bước 2: HS tham gia trò chơi, suy nghĩ trả lời các câu hỏi. HS xử lý số liệu điền bảng cơ cấu, nhận xét theo hướng dẫn giáo viên

Bước 3: HS trình bày câu trả lời, sản phẩm học tập, các học sinh khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá tinh thần học tập tích cực của HS, khen thưởng

HOẠT ĐỘNG 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu Liên hệ được kiến thức đã học để tìm hiểu mô hình nuôi trồng thủy sản công nghệ cao ở nước ta.

b. Nội dung: Hs về nhà lên mạng, tìm hiểu sách báo, viết bài hoàn thiện sản phẩm và báo cáo trước lớp đầu giờ sau.

c. Sản phẩm Bài báo cáo tìm hiểu về mô hình của hs có thể là Canva, sơ đồ, Potter, tranh vẽ có nội dung...

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu và giới thiệu về mô hình nuôi trồng thủy sản công nghệ cao ở nước ta.

* HSKT: HS không thực hiện

Bước 2: HS thu thập thông tin, viết bài và gửi lên nhóm lớp hoặc Padlet hoặc Google Drive.

Bước 3: HS trong lớp cùng xem bài của bạn và đánh giá.

Bước 4: GV nhận xét, góp ý và khuyến khích cộng điểm cho HS.
